



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/06/2022**

*Hải Phòng, tháng 07 năm 2022*

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đăng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/03/2022

#### ***Người đại diện pháp luật***

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	14 tháng 09 năm 2015

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2022 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**TRẦN VIỆT HÙNG**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 25 tháng 07 năm 2022



SỐ: 04/BCKT-UHYHP

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 07 năm 2022, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo này vào ngày 12/8/2021. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty cũng được Công ty kiểm toán này thực hiện kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 25/3/2022.



**Nguyễn Hồng Hiền**

**Giám đốc Chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1117-2018-112-1

***Thay mặt và đại diện cho***

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
UHY – CHI NHÁNH HÀI PHÒNG**

***Ngày 25 tháng 07 năm 2022***

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>423.344.174.307</b>	<b>390.463.825.564</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>134.857.379.389</b>	<b>2.189.632.753</b>
1. Tiền	111		2.477.379.389	2.189.632.753
2. Các khoản tương đương tiền	112		132.380.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>249.596.503.225</b>	<b>351.266.873.336</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5a	249.596.503.225	351.266.873.336
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.404.465.343</b>	<b>32.273.154.538</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.872.006.844	14.345.150.843
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		42.041.000	222.948.279
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	18.712.066.594	17.926.704.511
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(221.649.095)	(221.649.095)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>4.177.902.081</b>	<b>3.324.969.386</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.177.902.081	3.324.969.386
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>307.924.269</b>	<b>1.409.195.551</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		307.924.269	45.210.416
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.363.985.135
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>147.121.086.549</b>	<b>143.342.197.532</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.806.652.356</b>	<b>14.396.573.012</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	12.768.930.134	14.344.850.792
- Nguyên giá	222		280.504.117.729	281.686.429.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(267.735.187.595)	(267.341.578.625)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	37.722.222	51.722.220
- Nguyên giá	228		1.243.840.000	1.243.840.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.206.117.778)	(1.192.117.780)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>134.038.085.837</b>	<b>128.448.085.837</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5b	47.305.948.664	47.305.948.664
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5b	4.203.026.136	4.203.026.136
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5b	(2.820.888.963)	(2.820.888.963)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5a	85.350.000.000	79.760.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>276.348.356</b>	<b>497.538.683</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		276.348.356	497.538.683
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>570.465.260.856</b>	<b>533.806.023.096</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>20.294.317.052</b>	<b>16.604.251.221</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.294.317.052</b>	<b>16.604.251.221</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	2.598.502.190	3.975.337.428
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.285.063.320	1.067.025.798
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	6.260.151.984	538.495.541
4. Phải trả người lao động	314		3.179.285.498	8.105.403.467
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.880.450.397	493.333.997
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		569.081.444	763.762.771
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.521.782.219	1.660.892.219
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>550.170.943.804</b>	<b>517.201.771.875</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>550.170.943.804</b>	<b>517.201.771.875</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.820.270.000	259.870.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.820.270.000	259.870.270.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.248.771.566	1.352.660.454
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		222.647.646.117	191.797.285.602
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.454.256.121	64.181.555.819
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		31.831.195.304	64.181.555.819
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		21.623.060.817	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>570.465.260.856</b>	<b>533.806.023.096</b>



**Trần Việt Hùng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 07 năm 2022

**Mai Thị Yên Thế**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Thị Hương**  
Người lập

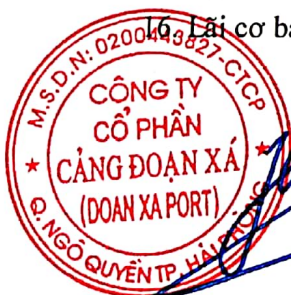


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		45.834.913.232	40.283.855.002
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	17	45.834.913.232	40.283.855.002
4. Giá vốn hàng bán	11	18	26.887.587.565	22.288.677.070
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		18.947.325.667	17.995.177.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	15.642.267.020	14.128.644.063
7. Chi phí tài chính	22		-	324.296
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	8.222.112.882	8.212.118.825
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 -22) - (26)}	30		26.367.479.805	23.911.378.874
10. Thu nhập khác	31		496.928.550	25.623.466
11. Chi phí khác	32		32.446.663	6.965.324
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		464.481.887	18.658.142
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		26.831.961.692	23.930.037.016
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	5.208.900.875	4.682.357.436
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		21.623.060.817	19.247.679.580
16. Cơ sở bản trên cổ phiếu	70	23	793	741



Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 07 năm 2022

Mai Thị Yên Thế  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương  
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21	26.831.961.692	23.930.037.016
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.589.920.656	3.328.288.851
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.052.267.020)	(14.128.386.943)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.369.615.328	13.129.938.924
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.167.161.278)	(2.179.828.235)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(852.932.694)	(113.993.355)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(120.224.845)	(2.948.422.150)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(41.523.526)	95.133.895
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(896.504.065)	(2.002.257.142)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(639.110.000)	(1.201.289.833)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.652.158.920	4.779.282.104
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(35.030.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		410.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(287.027.906.647)	(266.830.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		383.108.276.758	253.210.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	26.830.500
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.679.106.493	10.161.578.199
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		111.169.476.604	(3.466.621.301)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		12.846.111.112	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.846.111.112	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	4	132.667.746.636	1.312.660.803
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	2.189.632.753	1.071.370.402
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		134.857.379.389	2.384.031.205

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022



  
Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2022



Mai Thị Yên Thế  
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương  
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá là Công ty Cổ phần được cổ phần hoá từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000123 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27/11/2001 và các lần thay đổi. Công ty được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827 và hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh sửa đổi lần 10 ngày 15/02/2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là DXP.

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2022 là: 272.820.270.000 đồng.

Công ty có 03 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Xếp dỡ và Giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011.
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại Hà Nội, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh ngày 17/10/2016.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 203 người (tại ngày 01/01/2022 là 202 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: bốc xếp hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hoá, dịch vụ nâng cầu hàng hoá, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; bốc xếp hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác - dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hoá; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm theo quy định.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý (Tiếp theo)**

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b, c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

##### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:***

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 13
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải	03 – 10
Thiết bị quản lý	03 – 05

##### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

##### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

##### **Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)**

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### **Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

#### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh 6 tháng năm 2022 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	33.436.652	282.464.432
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.443.942.737	1.907.168.321
Các khoản tương đương tiền (*)	132.380.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>134.857.379.389</b>	<b>2.189.632.753</b>

(\*) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>249.596.503.225</b>		<b>351.266.873.336</b>	<b>351.266.873.336</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và không quá 12 tháng	249.596.503.225	249.596.503.225	351.266.873.336	351.266.873.336
<b>Dài hạn</b>	<b>85.350.000.000</b>	-	<b>79.760.000.000</b>	<b>79.760.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	85.350.000.000	85.350.000.000	59.760.000.000	59.760.000.000
- Trái phiếu Công ty CP chứng khoán kỹ thương	-		20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>334.946.503.225</b>		<b>431.026.873.336</b>	<b>431.026.873.336</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngõ Quyền, Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5b. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****b1) Thông tin về các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu vốn (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Phòng 1502 toà nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam	39%	39%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi, vận tải hàng hóa đa phương thức, dịch vụ hàng hải	0,56%	0,56%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng	Số 16 Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, dịch vụ kho bãi và đại lý hàng hóa	3,525%	3,525%

**b2) Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>47.305.948.664</b>	<b>(2.820.888.963)</b>		<b>47.305.948.664</b>	<b>(2.820.888.963)</b>	
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (1)	47.305.948.664	(2.820.888.963)	(*)	47.305.948.664	(2.820.888.963)	(*)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>4.203.026.136</b>	<b>-</b>	<b>11.635.461.000</b>	<b>4.203.026.136</b>	<b>-</b>	<b>13.182.372.000</b>
<b>Doanh nghiệp niêm yết</b>						
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (2)	1.203.026.136	-	11.635.461.000	1.203.026.136	-	13.182.372.000
<b>Doanh nghiệp chưa niêm yết</b>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng (3)	3.000.000.000	-	(*)	3.000.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>51.508.974.800</b>	<b>(2.820.888.963)</b>	<b>-</b>	<b>51.508.974.800</b>	<b>(2.820.888.963)</b>	<b>-</b>

(\*) Đối với các khoản đầu tư số (1) và số (3) chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5b. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết, các khoản đầu tư tài chính trong kỳ:**

(1) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng Công nghệ cao với tổng giá trị tại ngày 30/06/2022 là 47.305.948.664 đồng, chiếm tỷ lệ 39% vốn Điều lệ. Vốn điều lệ Công ty TNHH Vận tải Hàng Công nghệ cao là 3.000.000 USD tương ứng với 39.853.582.434 đồng.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022, Công ty TNHH Vận tải Hàng Công nghệ cao hoạt động bình thường. Theo báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Doanh thu 22,69 tỷ đồng, lỗ sau thuế là 228 triệu đồng.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ tại ngày 30/06/2022 với giá trị 1.203.026.136 đồng tương đương với 224.190 cổ phần, chiếm 0,56% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ hiện nay đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu DVP, vốn Điều lệ 400.000.000.000 VND.

Giá đóng cửa cổ phiếu DVP tại ngày 30/06/2022 là 51.900 đồng/cổ phiếu, tại ngày 31/12/2021 là 58.800 đồng/cổ phiếu.

(3) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng tương đương với 300.000 cổ phần, chiếm 3,525% vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>15.872.006.844</b>	<b>14.345.150.843</b>
Công ty TNHH Đại lý và môi giới vận tải biển quốc tế	6.831.421.420	6.143.215.000
Công ty CP giám định & logistic Viettec	1.522.871.995	1.050.641.255
Công ty CP TM và XNK vật tư giao thông	1.654.083.197	2.164.512.119
CN CTCP đại lý hàng hải VN- Đại lý hàng hải HP	1.772.917.206	219.077.265
Các đối tượng khác	4.090.713.026	4.767.705.204
<b>Cộng</b>	<b>15.872.006.844</b>	<b>14.345.150.843</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>18.712.066.594</b>	<b>17.926.704.511</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	18.434.302.418	17.471.141.891
Tạm ứng của nhân viên	275.447.733	443.047.733
Phải thu khác	2.316.443	12.514.887
<b>Cộng</b>	<b>18.712.066.594</b>	<b>17.926.704.511</b>

**8. NỢ XẤU**

Thông tin về các khoản phải thu thương mại quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Kad Việt Nam	33.427.095	33.427.095	33.427.095	33.427.095
Công ty TNHH MTV vận tải Hải Nam	188.222.000	188.222.000	188.222.000	188.222.000
<b>Cộng</b>	<b>221.649.095</b>	<b>221.649.095</b>	<b>221.649.095</b>	<b>221.649.095</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, phụ tùng thay thế	3.248.386.119	-	2.960.917.274	-
Công cụ, dụng cụ	929.515.962	-	364.052.112	-
<b>Cộng</b>	<b>4.177.902.081</b>	<b>-</b>	<b>3.324.969.386</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	62.221.033.501	10.151.671.561	207.121.786.878	2.191.937.477	281.686.429.417
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	(1.182.311.688)	-	(1.182.311.688)
Số cuối kỳ	62.221.033.501	10.151.671.561	205.939.475.190	2.191.937.477	280.504.117.729
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	60.055.712.018	9.570.640.277	195.551.020.943	2.164.205.387	267.341.578.625
Khấu hao trong kỳ	506.310.648	148.692.444	915.079.236	5.838.330	1.575.920.658
Thanh lý	-	-	(1.182.311.688)	-	(1.182.311.688)
Số cuối kỳ	60.562.022.666	9.719.332.721	195.283.788.491	2.170.043.717	267.735.187.595
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	2.165.321.483	581.031.284	11.570.765.935	27.732.090	14.344.850.792
Số cuối kỳ	1.659.010.835	432.338.840	10.655.686.699	21.893.760	12.768.930.134

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 254.932.165.163 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 256.114.476.851 đồng).

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm nghiệp vụ, phần mềm quản lý VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số đầu năm	1.243.840.000
Số cuối kỳ	1.243.840.000
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số đầu năm	1.192.117.780
Khấu hao trong kỳ	13.999.998
Số cuối kỳ	1.206.117.778
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số đầu năm	51.722.220
Số cuối kỳ	37.722.222

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 và ngày 01/01/2022 là 1.159.840.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.598.502.190</b>	<b>2.598.502.190</b>	<b>3.975.337.428</b>	<b>3.975.337.428</b>
CN Công ty TNHH VT Hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	351.238.122	351.238.122	178.090.527	178.090.527
Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển	936.860.931	936.860.931	746.999.570	746.999.570
Công ty CP Cảng Nam Hải	204.688.488	204.688.488	163.029.408	163.029.408
DV 4G Việt Nam	272.820.873	272.820.873	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	832.893.776	832.893.776	2.887.217.923	2.887.217.923
<b>Cộng</b>	<b>2.598.502.190</b>	<b>2.598.502.190</b>	<b>3.975.337.428</b>	<b>3.975.337.428</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Phát sinh phải nộp trong kỳ	Phát sinh đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế phải nộp</b>	<b>538.495.541</b>	<b>9.914.341.983</b>	<b>4.192.685.540</b>	<b>6.260.151.984</b>
Thuế giá trị gia tăng	382.720.884	1.369.231.631	1.352.853.399	399.099.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.208.900.875	2.259.500.200	2.949.400.675
Thuế thu nhập cá nhân	155.774.657	258.256.477	400.401.941	13.629.193
Thuế nhà đất	-	173.941.000	173.941.000	-
Tiền thuê đất	-	2.899.012.000	989.000	2.898.023.000
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng thuế phải nộp</b>	<b>538.495.541</b>	<b>9.914.341.983</b>	<b>4.192.685.540</b>	<b>6.260.151.984</b>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 272.820.270.000 đồng.

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị vốn góp	Tỷ lệ	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
		VND	%	VND	%
1	Ông Hoàng Văn Quang	65.700.000.000	24,08%	62.700.000.000	24,13%
2	Công ty Cổ phần Tratimex P&L	62.700.000.000	22,98%	62.700.000.000	24,13%
3	Các cổ đông khác	144.420.270.000	52,94%	134.470.270.000	51,75%
	<b>Cộng</b>	<b>272.820.270.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>259.870.270.000</b>	<b>100,00%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)*****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu***

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>LNST chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	<b>259.870.270.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>136.355.992.903</b>	<b>66.946.868.004</b>	<b>464.525.791.361</b>
Trích lập các quỹ	-	-	55.441.292.699	(56.941.292.700)	(1.500.000.001)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	54.175.980.515	54.175.980.515
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>259.870.270.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>191.797.285.602</b>	<b>64.181.555.819</b>	<b>517.201.771.875</b>
Trích lập các quỹ (*)	-	-	30.850.360.515	(32.350.360.515)	(1.500.000.000)
Tăng vốn trong kỳ (**)	12.950.000.000	(103.888.888)	-	-	12.846.111.112
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	21.623.060.817	21.623.060.817
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>272.820.270.000</b>	<b>1.248.771.566</b>	<b>222.647.646.117</b>	<b>53.454.256.121</b>	<b>550.170.943.804</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2021 như sau: trích quỹ Đầu tư phát triển 30.850.360.515 đồng và quỹ khen thưởng, phúc lợi 1.500.000.000 đồng.

(\*\*) Tăng vốn theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) năm 2021. Số lượng cổ phiếu phát hành 1.295.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	259.870.270.000	259.870.270.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	12.950.000.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	272.820.270.000	259.870.270.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.282.027	25.987.027
+ Cổ phiếu phổ thông	27.282.027	25.987.027
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.282.027	25.987.027

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

**15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ tại các ngân hàng (USD)	8.606,77	8.606,77

**16. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ kho bãi, vận tải, bốc xếp hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.834.913.232	40.283.855.002
<b>Cộng</b>	<b>45.834.913.232</b>	<b>40.283.855.002</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.887.587.565	22.288.677.070
<b>Cộng</b>	<b>26.887.587.565</b>	<b>22.288.677.070</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	14.521.317.020	13.072.019.563
Lãi mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn	-	230.289.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	1.120.950.000	826.335.000
<b>Cộng</b>	<b>15.642.267.020</b>	<b>14.128.644.063</b>

(\*) Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty đã nhận được số tiền cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2021 với tỷ lệ lần lượt là 15% và 35% /mệnh giá từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ, theo đó, công ty đã nhận được số tiền cổ tức trong kỳ là 1.120.950.000 đồng.

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>8.222.112.882</b>	<b>8.212.118.825</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.941.086.870	2.986.864.273
Chi phí vật liệu quản lý	388.525.640	299.019.950
Chi phí khấu hao TSCĐ	400.958.328	405.487.912
Thuế, phí và lệ phí	3.077.953.000	2.906.011.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	615.712.599	617.564.139
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	797.876.445	997.170.777
<b>Cộng</b>	<b>8.222.112.882</b>	<b>8.212.118.825</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	26.831.961.692	23.930.037.016
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(787.457.317)	(518.249.834)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.120.950.000)	(826.335.000)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	333.492.683	308.085.166
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>26.044.504.375</b>	<b>23.411.787.182</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.208.900.875</b>	<b>4.682.357.436</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá	3.948.964.780	3.406.097.356
Chi phí nhân công	13.274.471.139	9.531.651.642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.589.920.656	3.328.288.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.189.660.276	8.658.890.762
Chi phí khác	5.106.683.596	5.575.867.284
<b>Cộng</b>	<b>35.109.700.447</b>	<b>30.500.795.895</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.623.060.817	19.247.679.580
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.282.027	25.987.027
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>793</b>	<b>741</b>

Tại ngày 30/06/2022, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2022, do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa điều chỉnh bởi ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp: Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định chưa trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định tại Thông tư số 210/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

**25. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Bên liên quan của Công ty**

Ông Hoàng Văn Quang  
Công ty Cổ phần Tratimex P&L  
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao  
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao  
tại Hải Phòng

**Bản chất bên liên quan**  
Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn  
Cùng thành viên Ban lãnh đạo, Cổ đông lớn  
Công ty liên kết  
Chi nhánh của Công ty liên kết



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 25. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tiền lương và thu nhập của Ban Giám đốc, người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	255.925.000	354.000.000
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	202.875.000	347.833.333
Ông Nguyễn Đăng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	-	199.000.000
Bà Mai Thị Yên Thế	Kế toán trưởng, Người công bố thông tin	121.265.789	156.850.000
<b>Cộng</b>		<b>580.065.789</b>	<b>1.057.683.333</b>

Giao dịch khác với bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Cung cấp hàng hóa, dịch vụ</b>	-	1.600.000
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	-	1.600.000
<b>Mua hàng hoá, dịch vụ</b>	<b>1.070.763.588</b>	<b>1.050.155.461</b>
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	1.070.763.588	1.050.155.461

Số dư với bên liên quan:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả thương mại</b>		
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	351.238.122	178.090.527

### 26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.



Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 07 năm 2022

Mai Thị Yên Thế  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương  
Người lập